TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 49/2019/DS-ST
Ngày 29 tháng 7 năm 2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Yến,

2. Bà Lê Thị Thu Yến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Phạm Vân Trang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phi Yến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 25 đến 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 22/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A đường LTK, khu phố B, Phường C, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thu Y, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Số B AB, khu phố B, Phường C, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn bà Trần Thị Kim C trình bày:

Năm 2014 do chỗ quen biết, bà có cho bà Y vay số tiền 100.000.000 đồng, biên nhận không thể hiện lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng. Việc cho vay có làm biên nhận. Thời gian trả hai bên thỏa thuận là báo trước 01 tháng. Sau khi vay bà Y không đóng tiền lãi cũng không trả số tiền gốc dù bà đã nhiều lần nhắc nhở.

Lần sau cùng, bà Y có hứa cuối năm 2018 bà Y sẽ trả hết tiền cho bà nhưng bà Y không thực hiện. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Y trả số tiền vốn là 100.000.000

đồng và tiền lãi từ năm 2014 tạm tính đến ngày 10/7/2019 số tiền 191.200.000 đồng, và tiếp tục tính lãi cho đến ngày cô Y trả đủ số tiền gốc, mức lãi suất 1,6%/tháng. Trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Biên nhận có ghi thế chấp 01 giấy đỏ của bà Nguyễn Thu Y đứng tên nhưng bà Y đã nhận lại giấy đỏ. Hiện tại bà không giữ giấy đỏ này. Số tiền vay từ năm 2014 nhưng đến nay bà mới khởi kiện vì bà với cô Y là chổ quen biết nên có nhắc nhở nhiều lần, rồi bà Y có hứa hẹn. Năm 2018 bà Y có hứa đến năm 2019 sẽ trả nhưng không trả. Bà thừa nhận có nhận số tiền 100.000.000 đồng do bà Y chuyển khoản vào tài khoản của bà tại Ngân hàng Đông Á. Bà Y nợ bà số tiền tổng cộng 200.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền 100.000.000 đồng từ bà Y thì bà đã trả lại biên nhận cho cô Y. Số tiền nợ còn lại 100.000.000 đồng nên còn giữ biên nhận. Bà nhắn tin đòi và yêu cầu viết giấy hẹn thì bà Y nhắn tin hẹn tháng 4 năm 2019. Bà Y không thừa nhận số điện thoại và nội dung tin nhắn của mình nhưng nội dung tin nhắn giữa bà và số điện thoại trên là phù hợp nhau.

Tại phiên tòa, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn là 100.000.000 đồng. Còn về tiền lãi bà yêu cầu tính lãi suất theo qui định của pháp luật. Cụ thể: từ ngày viết biên nhận là 02/4/2014 đến ngày 31/12/2016 tính lãi suất là 1,125%/tháng, thời gian là 32 tháng, số tiền là 37.125.000 đồng. Từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 25/7/2019 thời gian là 30 tháng, số tiền là 51.460.000 đồng.

* Bị đơn bà Nguyễn Thu Y trình bày: Biên nhận ngày 02/4/2014 là do bà viết và ký tên. Nhưng số tiền này bà đã trả cho bà C vào ngày 02/4/2018 bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 0101421369 tại Ngân hàng Đông Á của tài khoản là bà C. Số tiền này mặc dù hai bên không thỏa thuận tiền lãi nhưng thực tế có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng. Bà đã đóng từ khi vay đến ngày kết thúc là ngày 02/4/2018. Bà không yêu cầu gì về với số tiền lãi đã đóng vì thỏa thuận miệng và khi đóng cũng không có ghi chép gì. Giấy đỏ mà có ghi trong biên nhận ngày 02/4/2014 bà đã nhận lại.

Biên nhận mà bà C kiện, khi trả tiền bà có yêu cầu bà C đưa lại biên nhận thì bà C nói đã đốt rồi vì bà nói rằng việc bà cho vay mượn tiền gia đình bà không biết nên bà tin mà không đòi lại, đến khi bà C kiện bà mới biết còn biên nhận này.

Về chứng cứ mà bà C cung cấp và yêu cầu Tòa án thu thập là thông tin về số thuê bao 0939558198 thì trước đây bà có sử dụng số điện thoại này nhưng có đăng ký không bà không nhớ, cũng không nhớ và không biết có nhắn tin cho bà C như nội dung bà C đã trình bày và cung cấp cho Tòa.

Bị đơn bà Nguyễn Thu Y không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung giải quyết vụ án: chứng cứ nguyên đơn cung cấp không đủ cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào tờ biên nhận ngày 02/4/2014 do bà Trần Thị Kim C cung cấp thể hiện bà Nguyễn Thu Y là bị đơn có mượn của bà Trần Thị Kim C số tiền 100.000.000 đồng, không thể hiện tiền lãi nhưng có thỏa thuận miệng 3%/tháng, thời hạn trả nợ báo trước 01 tháng, có thế 01 giấy đỏ do bà Nguyễn Thu Y đứng tên, có ký tên và viết tên Nguyễn Thu Y. Như vậy, hai bên đã xác lập giao dịch vay tài sản. Trong quá trình thực hiện hai bên phát sinh tranh chấp, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản a điểm 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà Nguyễn Thu Y có đăng ký thường trú tại thành phố Mỹ Tho nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[1.2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét giao dịch giữa bà C và bà Y được xác lập vào ngày 02/4/2014 có nội dung trái với qui định của Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 áp dụng pháp luật nội dung là Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện về tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp và yêu cầu Tòa án thu thập các tài liệu chứng cứ sau:

- Tờ Biên nhận ngày 02/4/2014. Cả hai bên đương sự đều thống nhất thừa nhận tờ biên nhận này do bị đơn bà Nguyễn Thu Y viết và ký tên.

- Bản in tin nhắn được chụp in từ điện thoại của nguyên đơn.

- Văn bản số 872/TT.TCTK - ĐSTK ngày 21/5/2019 của Trung tâm tính cước và thanh khoản Mobifone thuộc Tổng Công ty Viễn thông Mobifone kèm theo chi tiết dữ liệu thuê bao.

[2.2] Bị đơn bà Nguyễn Thu Y không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng đã trả xong nợ cho bà C bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của nguyên đơn là 0101421369 tại Ngân hàng Đông Á vào ngày 02/4/2018, chứng cứ là Giấy nộp tiền ngày 02/4/2018 (bút lục 16). Sau đó ít ngày thì bà C trả lại giấy đỏ cho bà, còn biên nhận thì bà C nói rằng đã đốt bỏ rồi nên không đưa cho bà.

[2.3] Nguyên đơn bà C cũng thừa nhận có nhận số tiền do bà Y chuyển khoản vào ngày 02/4/2018, nhưng đây là số tiền nợ của khoản vay khác vì bà Y nợ bà tổng cộng 200.000.000 đồng bằng 02 biên nhận khác nhau. Khi bà Y chuyển khoản thì bà đã trả biên nhận của số tiền trên lại cho bà Y, xem như hai bên đã tất toán xong. Còn giấy đỏ ghi trong biên nhận thì bà Y đã yêu cầu lấy lại từ năm 2016 - 2017 để bà Y tách thửa chuyển nhượng một phần đất cho người khác rồi giữ luôn mà không đưa lại cho bà.

[2.4] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.4.1] Chứng cứ là các tin nhắn được sao chụp từ điện thoại của bà C. Các tin nhắn này được cho là có sự trao đổi giữa nguyên đơn và bị đơn. Theo chi tiết dữ liệu thuê bao do Trung tâm tính cước và thanh khoản Mobifone cung cấp thông tin: số điện thoại 939558198, tên thuê bao Nguyễn Thu Y, loại thuê bao trả trước, ngày nhập mạng 25/10/2014, số CMTND 311426696, năm sinh 12/5/1971, địa chỉ 110B, Ấp Bắc, P05, TP Mỹ Tho, Tiền Giang. Như vậy, có căn cứ xác định số điện thoại 0939558198 là thuộc sở hữu bị đơn bà Nguyễn Thu Y nên lời khai của bà về việc không nhớ có đăng ký hay không là chưa chính xác.

[2.4.2] Xét nội dung tin nhắn từ số thuê bao 0939558198 là của bị đơn gửi đến số điện thoại 0987984291 của nguyên đơn. Theo văn bản 872 Tổng Công ty Viễn thông Mobifone trả lời vì lý do kỹ thuật nên không thể cung cấp được nội dung tin nhắn di động. Tuy nhiên, bà C cung cấp cho Tòa án các bản in được chụp từ điện thoại di động có các nội dung tin nhắn. Qua đối chiếu tại bản chi tiết dữ liệu thuê bao do Công ty Mobifone cung cấp với bản in này thì thời gian, tin nhắn đi và tin nhắn đến giữa 02 số điện thoại của nguyên đơn và bị đơn là có diễn ra. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 94, khoản 3 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự để xác định đây là chứng cứ thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu điện tử. Theo qui định tại khoản 12 Điều 4 Luật giao dịch điện tử giải thích: Thông điệp dữ liệu là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử. Phương tiện điện tử là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học,điện từ hoặc công nghệ tương tự. (khoản 10 Điều 4 Luật giao dịch điện tử qui định). Theo qui định tại Điều 12 Luật giao dịch điện tử thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản và Điều 14 Thông điệp dữ liệu điện tử có giá trị làm chứng cứ.

[2.4.3] Như vậy, tin nhắn vào lúc 10:58 ngày 20 tháng 12 năm 2018 bà C nhắn tin cho bà Y hỏi còn 100 triệu đồng hẹn cuối năm nay chính xác là ngày mấy bà C lấy tiền. Sau đó, tin nhắn từ số điện thoại của bà Y "NGAY 2 THANG 4 NAM 2018 CHI DA LAY MOT TRAM TRIEU. CUNG NGAY 2 THANG 4 NAM 2019". Nội dung tin nhắn này tuy không có dấu theo phông chữ Tiếng Việt nhưng chỉ có thể hiểu như sau: ngày 2 tháng 4 chị đã lấy một trăm triệu. Cũng/ cùng ngày 2 tháng 4 năm 2019. Vì nếu bỏ những dấu khác thì câu sẽ không có nghĩa. Với tin nhắn trên bà Y muốn xác nhận lại số tiền bà Y trả cho bà C chuyển khoản vào ngày 02/4/2018 và bà Y trả lời lại câu hỏi của bà C về số tiền còn lại thì hẹn ngày 2 tháng 4 năm 2019.

[2.4.4] Bà Y không có ý kiến gì về ý nghĩa của tin nhắn này mà bà chỉ phủ nhận số điện thoại này bà đã mất nên ai nhắn thì bà không biết, bà C cho rất nhiều người vay tiền nên ai có được số điện thoại này nhắn tin với mục đích gì thì bà không biết nên bà không thừa nhận. Tuy nhiên, theo thứ tự thời gian tin nhắn đi và đến và có nội dung đối đáp giữa hai bên phù hợp nhau. Hơn nữa, theo Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phú qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ qui định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện. Tại mục c điểm 9 Điều 1 có qui định cá nhân, tổ chức có quyền và trách nhiệm sau: Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong việc sử dụng các số thuê

bao đã được cung cấp. Do đó, việc bà Y khai nại sim số điện thoại trên bị mất nên bà không nhắn tin là không có căn cứ.

[2.4.5] Bị đơn còn cho rằng đã trả nợ xong cho bà C bằng chứng cứ là giấy nộp tiền (bút lục 16) nên bà C mới đưa lại giấy đỏ đã thế cho bà. Bà Y trình bày bà là người trực tiếp nộp tiền và viết vào giấy nộp tiền tại Ngân hàng, như vậy bà hoàn toàn có quyền ghi rõ nội dung vào giấy nộp tiền là trả tiền cho khoản nợ nào nhưng bà lại không ghi nên là lỗi của bà. Bà C không thừa nhận số tiền bà nhận được là của khoản vay ngày 02/4/2014 mà là khoản vay trước. Bà Y không có chứng cứ nào khác chứng minh cho khoản vay này đã trả xong nên không có căn cứ xem xét khai nại này của bị đơn.

Như đã nhận định ở trên, căn cứ vào các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn đối bị đơn về số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng.

[2.2] Đối với tiền lãi, tại phiên tòa bà C thay đổi yêu cầu đối với việc tính lãi. Bà yêu cầu tính lãi kể từ ngày viết biên nhận là ngày 02/4/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm theo qui định của pháp luật, làm 2 giai đoạn: giai đoạn từ ngày viết biên nhận là ngày 02/4/2014 đến ngày 31/12/2016, mức lãi suất là 1,125%/ tháng, thời gian là 32 tháng. Giai đoạn từ 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 25/7/2019, mức lãi suất là 1,66%/tháng, thời gian là 30 tháng. Tổng cộng tiền lãi là 88.585.000 đồng. Căn cứ vào Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, lãi suất không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố. Theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam qui định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. Do đó, yêu cầu về tiền lãi của bà C chỉ được chấp nhận một phần. Tiền lãi được tính như sau: 100.000.000 đồng x 1,125% x 62 tháng. Thành tiền là 69.750.000 đồng.

Như vậy, bà Y có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền tổng cộng là 169.750.000 đồng. Trong đó, tiền vốn là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 69.750.000 đồng.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là trái với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo Điều 27 Nghị quyết 326 yêu cầu của bà C được chấp nhận nên bà Y phải chịu phí dân sự sơ thẩm là 8.478.500 đồng. Bà C phải chịu án phí đối với một phần tiền lãi không được chấp nhận là 941.750 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 94, 95 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005;

- Căn cứ Điều 4, Điều 12, 14 Luật Giao dịch điện tử.

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim C.

Buộc bà Nguyễn Thu Y có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim C số tiền 169.750.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Trong đó, tiền vốn là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 69.750.000 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Y chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thu Y phải chịu 8.487.500 đồng.

- Bà Trần Thị Kim C phải chịu 941.750 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.780.000 đồng theo biên lai số 0013675 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên bà được trả lại 3.838.250 đồng.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 7 năm 2019. Có mặt hai bên đương sự./.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Mỹ Tho,
- Các đương sự,
Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Tiên